TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2018/HC-PT
Ngày: 15-05-2018

V/v khởi kiện Quyết định hành chính cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Quang Huy, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Ông Đinh Văn Sơn, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính Thụ lý số 147/2017/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2017 về khởi kiện Quyết định hành chính cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2017/HCST ngày 09 tháng 06 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2618/2018/QĐPT-HC ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Hà Thị L;

Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện X (nay là phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa); có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Thị trấn X, huyện X, tỉnh Thanh hóa;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Đình D, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Thanh Hóa (văn bản ủy quyền số 123/UBND-VP ngày 29/01/2018); có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; do ông: Phạm Văn T, Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1586/UBND-TTr ngày 09/06/2017); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Ông Đinh Thanh S; địa chỉ: Thôn C, Phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Văn K; địa chỉ: Thôn C, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Ông K ủy quyền cho bà T (văn bản uỷ quyền ngày 08/05/2017)

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Đào Thị T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2016, biên bản đối thoại và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Hà Thị L trình bày:

Bà và ông Đinh Thanh S kết hôn năm 1974, đến năm 1977 được Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa cấp 578 m2 đất được ghi trong bản đồ 299 đo vẽ năm 1985 là thửa 309, tờ bản đồ số 6. Năm 1993, vợ chồng bà được bố mẹ ông S cho 448 m2 đất tại thửa 031 tờ bản đồ số 6 (giáp đất xã cấp cho vợ chồng bà). Do đó, tổng diện tích hai thửa là 1.026 m2, nhưng thực tế sử dụng chỉ có 1.017 m2; từ năm 1994 vợ chồng bà sử dụng 1.017 m2 mang tên ông Đinh Thanh S tại thửa 495, tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính xã Q, huyện X. Khoảng năm 1996, năm 1997 ông bà làm nhà ở khu đất khác nên ông bà cho vợ chồng bà Đào Thị T và ông Nguyễn Văn K đến ở khu đất đó (thửa 495); quá trình ở và sử dụng vợ chồng và Thủy muốn mua lại khu đất của ông bà, mặc dù ông S đồng ý bán những bà Liên không đồng ý bán, nên giữa hai vợ chồng có bất đồng quan điểm. Cuối năm 2013 vợ chồng bà T tháo dỡ nhà cũ của ông bà để làm nhà mới, bà có báo với chính quyền thôn, xã. Năm 2014 bà kê khai, đăng kí để làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây được viết tắt là GCNQSD đất) thì được biết UBND đã cấp GCNQSD đất số BO 49825 ngày 13/08/2013 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Đào Thị T diện tích 1.017 m2 tại thửa số 495, tờ bản đồ số 5 của gia đình bà, nên tháng 10/2015 bà đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân Huyện X, yêu cầu: Hủy

GCNQSD đất mà UBND huyện X đã cấp cho ông Nguyễn Văn K và bà Đào Thị T; buộc Ông K, bà T trả lại diện tích đất cho gia đình bà. Quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện X đã ra Quyết định số 5448/QĐ-UB ngày 31/12/2015 thu hồi và hủy bỏ GCNQSD đất số BO 49852 cấp ngày 13/8/2013 cho Ông K và bà T; lý do thu hồi: Hồ sơ có sự tẩy xóa so với hồ sơ gốc lưu và cấp chưa đúng chủ sử dụng đất, nên bà Liên đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện X đã ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án hành chính. Sau đó bà T khiếu nại Quyết định số 5448/QĐ-UB. Ngày 4/8/2016 Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 1607/QĐ-UB giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị T, hủy bỏ Quyết đinh số 5448QĐ-UB ngày 31/12/2015. Bà Liên cho rằng việc UBND huyện X ban hành Quyết định số 1607/QĐ-UB đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết các nội dung sau:

1. Hủy Quyết định khiếu nại số 1607/QĐ-UB ngày 04/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện X.

2. Hủy GCNQSD đất số BO 49825 cấp ngày 13/8/2013 cho ông Nguyễn Văn K và bà Đào Thị T tại xã Q, huyện X (nay là phường Q, thành phố S); buộc Ông K, bà T phải trả lại cho gia đình bà toàn bộ diện tích đất 1.017 m2.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện X, tỉnh Thanh Hóa: Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, Tòa án các cấp đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng Chủ tịch UBND huyện X không có bất kỳ ý kiến gì, cũng như không giao nộp tài liệu gì cho Tòa án và vắng mặt tại tất cả các phiên làm việc do Tòa án triệu tập và tại phiên tòa sơ thẩm; đến ngày 29/01/2018 mới có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Đình D, Phó Chủ tịch UBND tham gia tố tụng, nhưng ông Dự cũng xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND thành phố S cho rằng: đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện X và GCNQSD đất do UBND huyện X cấp nên đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

- Chủ tịch UBND phường Q: Chỉ cung cấp cho Tòa một bản sao hồ sơ về việc cấp GCNQSD đất năm 2013 cho ông Nguyễn Văn K và bà Đào Thị T, ngoài ra không có ý kiến gì mặc dù đã được tòa thông báo.

- Ông Đinh Thanh S trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sử dụng hai thửa đất gồm: thửa số 209, tờ bản đồ 299 diện tích 360 m2 do UBND xã Q

cấp cho ông khi lập gia đình; thửa số 310 bản đồ số 299 là đất của bố mẹ ông để lại và giao cho ông. Ông thừa nhận, năm 1996 do vợ chồng ông làm nhà khó khăn về tài chính nên đã động viên em gái ông là bà Đào Thị T, chồng là Nguyễn Văn K mua lại hai thửa đất trên để ông bà lấy tiền làm nhà với giá 25.000.000đ, cũng như để em gái ông ở gần cho tiện việc chăm sóc bố mẹ ông. Việc mua bán chỉ thể hiện bằng miệng, không có giấy tờ gì; tuy bà Liên không đồng ý nhưng ông vẫn quyết bán. Ông nhận thấy sai sót là bỏ qua ý kiến của bà Liên. Nay bà Liên khởi kiện ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Văn K trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp được hình thành từ hai thửa đất theo bản đồ 299 gồm: Thửa 309 của anh trai bà T là ông S và thửa 310 do bố mẹ bà T và ông S đứng tên kê khai trên bản đồ, hai thửa đất này gộp thành thửa 495, tờ bản đồ số 5 đo vẽ năm 1994. Năm 1996 vợ chồng ông S và bà Liên làm nhà ở chỗ khác, được mọi người động viên, cũng như để thuận tiện trong việc chăm sóc bố mẹ nên ông bà đã đồng ý mua lại thửa đất số 495 tờ bản đồ số 5 với giá 25.000.000đ từ vợ chồng ông bà Sót, bà Liên. Ông bà đã giao đủ số tiền và dọn dẹp đến ở từ ngày 15/11/1996; quá trình ở, sử dụng ông bà thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước và đến năm 2013 thì được cấp GCNQSD đất với diện tích 1.017 m2. Tháng 10/2015, bà Liên khởi kiện UBND huyện X vì đã cấp GCNQSD đất cho ông bà ra Tòa án và khi Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, ông bà mới biết được Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện X về việc thu hồi và hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho ông bà; ông bà đã khiếu nại Quyết định số 5448, nên ngày 04/8/2016 Chủ tịch UBND huyện X đã ban hành Quyết định số 1607/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 5448. Bà T Ông K đề nghị xem xét xác minh lại nguồn gốc và lịch sử đất; xác minh lại quan hệ hôn nhân của ông S, bà Liên; vì đất đang tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị Gốc và cụ Đào Xuân Cửu chết không để lại di chúc, không sang nhượng cho ai, đề nghị trả lại quyền và lợi ích hợp pháp cho các con của cụ Gốc và cụ Cửu.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2017/HC-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai năm 2013.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1607/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị T thôn C, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 49825 do UBND huyện X cấp ngày 13/8/2013 cho ông Nguyễn Văn K và bà Đào Thị T đối với thửa đất số 495, tờ bản đồ số 5 tại xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 1.017 m2.

- Hủy Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 31/11/2015 của UBND huyện X về việc thu hồi và hủy bỏ GCNQSDĐ tại xã Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn K và bà Đào Thị T trả lại toàn bộ diện tích đất của bà Hà Thị L. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết về tài sản trên đất và công duy trì, bảo quản đối với diện tích đất

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 24/6/2017 bà Đào Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và ngày 10/7/2017 bà Đào Thị T có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị cấp phúc thẩm mời các cơ quan giám định độc lập và cơ quan Điều tra để điều tra, xác minh các chỗ tẩy xóa tại hồ sơ cấp GCNQSD đất cho Ông K và bà; đồng thời đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 26/2017/HC-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

* Người khởi kiện; người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố S có đơn xin xét xử vắng mặt; chủ tịch UBND phường Q, thành phố S, ông Đinh Thanh S vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì khác so với tại cấp sơ thẩm.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà T và Ông K) do bà T đại diện giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo và trình bày:

- Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện X ban hành không đúng trình tự, nên ngày 04/8/2016 Chủ tịch UBND huyện X đã ban hành Quyết định số 1607/QĐ-UBND hủy Quyết định số 5448; tuy nhiên cấp sơ thẩm cho rằng UBND huyện X ban hành Quyết định số 1607 không đúng thẩm quyền là không có cơ sở pháp luật.

- Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết và đã ban hành Quyết định đình chỉ số 01/2016/QĐST-HC ngày 29/1/2016; tại Quyết định đình chỉ đã thể hiện: Người khởi kiện không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, nên Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là trái pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về đề xuất giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà T trong hạn luật định nên đề nghị chấp nhận xem xét để giải quyết; bà T kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, Ông K chưa đúng trình tự và đối tượng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà T, Ông K là có căn cứ; Quyết định số 5448 và Quyết định số 1607 ban hành sau khi xã Q sáp nhập về thị xã S nên không thuộc địa giới hành chính của huyện X nhưng UBND huyện X vẫn ban hành là không đúng thẩm quyền, cấp sơ thẩm đã hủy cả hai Quyết định là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền:

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 1607QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện X giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị T; đây là Quyết định của người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; bà Liên làm đơn khởi kiện trong thời hạn 1 năm nên đang trong thời hiệu. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1

Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Việc bà T cho rằng vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết và đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết nên các đương sự không có quyền khởi kiện lại là không đúng quy định của pháp luật. Vì, khi bà Liên khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện X là khởi kiện về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất số BO 49825 (đối tượng khởi kiện là GCNQSD đất số BO 49825), còn Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết vụ án thì đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là Quyết định số 1607, nên bà T cho rằng vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là không có cơ sở.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại các phiên tòa: Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện X đã được Tòa án thông báo, tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc và phiên tòa xét xử; không hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng để giải quyết vụ án, từ bỏ các quyền của mình, nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật; tại cấp phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

* *Về nội dung:*

[3] Ngày 15/5/2015 Ủy ban thường vụ Quốc Hội (sau đây viết tắt là UBTVQH) khóa 13 đã ban hành Nghị quyết số 935/NQ-UBTVQH13 về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện X để mở rộng địa giới hành chính thị xã S (nay là thành phố S); theo đó 6 xã (trong đó có xã Q) của huyện X thuộc địa giới hành chính thị xã S, và ngày 22/12/2015 UBND huyện X và UBND thị xã S đã tổ chức việc bàn giao theo Nghị quyết của UBTVQH. Như vậy, xã Q (nay là phường Q) thuộc địa giới hành chính của thị xã S, nên mọi tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai xảy ra trên địa bàn xã Q không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND (Chủ tịch UBND) huyện X. Ngày 18/4/2016, bà Đào Thị T có đơn khiếu nại, nhưng Chủ tịch UBND huyện X vẫn thụ lý giải quyết và ban hành Quyết định số 1607 là trái quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu hủy GCNQSD đất số BO 49825 cấp ngày 13/8/2013 cho ông Ngyễn Văn Khánh và bà Đào Thị T thấy rằng: thửa đất số 495 được nhập từ hai thửa là 309 (diện tích 578 m2) và thửa số 310 (diện tích 448 m2); theo thực tế đo vẽ năm 1994 tổng diện tích 1.017 m2, sổ mục kê ghi chủ sử dụng là ông Đinh Thanh S; theo bản đồ địa chính năm 2002 thửa số 385 diện tích 1.017 m2 tờ bản đồ số 5, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng là bà Đào Thị T. Tuy nhiên, có sửa chữa tên. Năm 2013 Ông K bà T kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, các

thông tin không có gì thay đổi, nhưng việc xác định nguồn gốc sử dụng đất là nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là chưa đúng với nguồn gốc của thửa đất, hơn nữa trong hồ sơ đăng ký, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự tẩy xóa, sửa chữa tên và ghi tên Nguyễn Văn K trong khi bản đồ địa chính, sổ mục kê năm 1994 sao tại Văn phòng đăng ký QSD đất của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa ghi tên chủ sử dụng đất là Đinh Thanh S; quá trình giải quyết vụ án Ông K và bà T không chứng minh được ông bà đã nhận chuyển nhượng hợp pháp diện tích đất trên từ ông S bà Liên; UBND huyện X căn cứ vào hồ sơ và bản đồ địa chính, hồ sơ đăng ký (có sự sửa chữa tên chủ sử dụng) để cấp GCNQSD đất cho Ông K bà T là chưa đúng quy định pháp luật về đất đai. Ngay tại Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND huyện X về việc thu hồi và hủy bỏ GCNQSD đất của Ông K bà T cũng đã thừa nhận hồ sơ lập có sự tẩy xóa so với hồ sơ gốc lưu và cấp chưa đúng chủ sử dụng. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà Liên thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất số BO 49825 là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu của bà Liên buộc Ông K và bà T trả lại toàn bộ diện tích đất thấy rằng: Đây là tranh chấp về dân sự, trong đó vừa có tranh chấp QSD đất vừa có tranh chấp liên quan đến di sản thừa kế, lẽ ra Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa phải chuyển vụ án cho Tòa dân sự thụ lý để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khi xét xử cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến yêu cầu này của đương sự và tách ra, dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự là đã đảm bảo được quyền lợi cho các đương sự, nên không cần thiết hủy Bản án sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[6] Đối với Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện X tuy các đương sự không yêu cầu xem xét, nhưng cấp sơ thẩm vẫn xem xét giải quyết là phù hợp. Bởi vì, Quyết định số 5448 là Quyết định về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 49825 cấp cho Ông K bà T và GCNQSD đất này đã bị hủy bỏ, hơn nữa Quyết định số 5448 ban hành không đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên, cấp phúc thẩm thấy rằng: Bản án sơ thẩm số 26/2017/HC-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của bà T đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận; tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ phù hợp với pháp luật.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2017HC-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết về một số điều của Luật đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1607/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện X, tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đào Thị T, thôn C, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 49825 do UBND huyện X cấp ngày 13/8/2013 cho ông Nguyễn Văn K và bà Đào Thị T đối với thửa đất số 495, tờ bản đồ số 5 tại xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 1.017 m2;

- Hủy Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện X về xiệc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn K và bà Đào Thị T trả lại toàn bộ diện tích đất cho bà Liên. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết về tài sản trên đất và công duy tu bảo dưỡng đối với diện tích đất.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQTVQH14 ngày 30/12/2016:

- *Án phí hành chính sơ thẩm:* Buộc Chủ Tịch UBND huyện X, tỉnh Thanh Hóa phải nộp 200.000đ án phí hành chính sơ thẩm;

Trả lại cho bà Hà Thị L 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Biên lai thu tiền số 000312, ngày 17/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

- *Án phí hành chính phúc thẩm:* Bà Đào Thị T phải nộp 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2010/000384 ngày 10/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, bà T đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THA dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Thái Duy Nhiệm